

Hướng dẫn giải các bài tập trang 112 đến 114 **Bài 76: Ôn tập các số trong phạm vi 10000, 100000 sách giáo khoa Toán lớp 3 bộ sách Kết nối tri thức (KNTT)** thuộc chương trình mới chi tiết và chính xác nhất sẽ là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích dành cho phụ huynh và các em học sinh.

Giải Toán KNTT lớp 3 trang 112, 113 Luyện tập

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 112 Bài 1: Đọc các số sau:



Lời giải:

Số Đọc số

9 084 Chín nghìn không trăm tám mươi tư

12 765 Mười hai nghìn bảy trăm sáu mươi lăm

30 258 Ba mươi nghìn hai trăm năm mươi tám

61 409 Sáu mươi một nghìn bốn trăm linh chín

95 027 Chín mươi lăm nghìn không trăm hai mươi bảy

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 112 Bài 2: Số?

a) 9 995; 9 996; 9 997; ? ; 9 999; ? ; ? ; 10 002; ?

b) 35 760; 35 770; ? ; 35 790; ? ; 35 810; ? ; ?

c) 68 400; ? ; 68 600; 68 700; ? ; ? ; 69 000; ?

Lời giải:

a) 9 995; 9 996; 9 997; 9 998 ; 9 999 ; 10 000; 10 001; 10 002; 10 003

b) 35 760; 35 770; 35 780; 35 790; 35 800; 35 810; 35 820; 35 830

c) 68 400; 68 500; 68 600; 68 700; 68 800; 68 900; 69 000; 69 100

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 112 Bài 3: Điền dấu $>$, $<$, $=$ vào chỗ chấm:

a) 5760 ... 5699

7849 ... 8700

b) 9999 ... 10001

10100 ... 10080

c) 74685 ... 74685

90537 ... 90357

Lời giải:

a) $5760 > 5699$

$7849 < 8700$

b) $9999 < 10001$

$10100 > 10080$

c) $74685 = 74685$

90537 > 90357

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 113 Bài 4: Trong các con cá dưới đây, con cá nào nặng nhất, con cá nào nhẹ nhất?



Cá voi xanh cân nặng 90 000 kg



Cá mái chèo cân nặng 250 kg



Cá mặt trắng cân nặng 1 000 kg



Cá nhà táng cân nặng 51 000 kg

Lời giải:

Cá voi xanh nặng nhất (90 000 kg); cá mái chèo nhẹ nhất (250 kg).

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 113 Bài 5: Bác An hỏi bác Ba Phi: “Năm nay, trang trại nhà bác có bao nhiêu con vịt?”.

Bác Ba Phi hóm hỉnh trả lời: “Bác tính nhé! Năm nay, số con vịt ở trang trại nhà tôi là số tròn chục lớn nhất có bốn chữ số khác nhau”.

Em hãy giúp bác An tìm số con vịt ở trang trại nhà bác Ba Phi năm nay.

Lời giải:

Số tròn chục lớn nhất có 4 chữ số khác nhau là 9870.

Vậy năm nay nhà bác Ba Phi có tất cả 9870 con vịt.

Giải Toán 3 Kết nối tri thức trang 113, 114 Luyện tập

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 113 Bài 1: Dưới đây là số khẩu trang của bốn công ty may được trong một ngày

- Công ty Hồng Hà: 42 000
- Công ty Hòa Bình: 37 000
- Công ty Cửu Long: 28 000
- Công ty Thăng Long: 50 000

a) Trong một ngày, công ty nào may được nhiều khẩu trang nhất, công ty nào may được ít khẩu trang nhất?

b) Sắp xếp các công ty trên theo thứ tự số khẩu trang may được trong một ngày từ nhiều nhất đến ít nhất.

Lời giải:

a) Trong một ngày, công ty Thăng Long may được nhiều khẩu trang nhất với 50 000 cái; công ty Cửu Long may được ít khẩu trang nhất với 28 000 cái.

b) Công ty Thăng Long > Công ty Hồng Hà > Công ty Hòa Bình > Công ty Cửu Long.

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 113 Bài 2: Viết mỗi số 8 327; 9 015; 25 468; 62 340 thành tổng (theo mẫu):

4 Trong các con cá dưới đây, con cá nào nặng nhất, con cá nào nhẹ nhất?



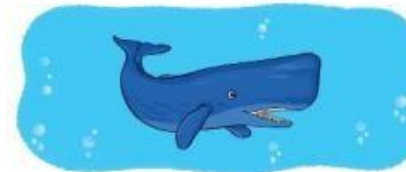
Cá voi xanh cân nặng 90 000 kg



Cá mái chèo cân nặng 250 kg



Cá mặt trắng cân nặng 1 000 kg



Cá nhà táng cân nặng 51 000 kg

5 Bác An hỏi bác Ba Phi: "Năm nay, trang trại nhà bác có bao nhiêu con vịt?".

Bác Ba Phi hóm hỉnh trả lời: "Bác tính nhé! Năm nay, số con vịt ở trang trại nhà tôi là số tròn chục lớn nhất có bốn chữ số khác nhau".

Em hãy giúp bác An tìm số con vịt ở trang trại nhà bác Ba Phi năm nay.



luyện tập

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

1 Dưới đây là số khẩu trang của bốn công ty may được trong một ngày.

- Công ty Hồng Hà: 42 000
- Công ty Hoà Bình: 37 000
- Công ty Cửu Long: 28 000
- Công ty Thăng Long: 50 000

a) Trong một ngày, công ty nào may được nhiều khẩu trang nhất, công ty nào may được ít khẩu trang nhất?

b) Sắp xếp các công ty trên theo thứ tự số khẩu trang may được trong một ngày từ nhiều nhất đến ít nhất.

2 Viết mỗi số 8 327; 9 015; 25 468; 46 109; 62 340 thành tổng (theo mẫu).

Mẫu: $7\ 546 = 7\ 000 + 500 + 40 + 6$

Lời giải:

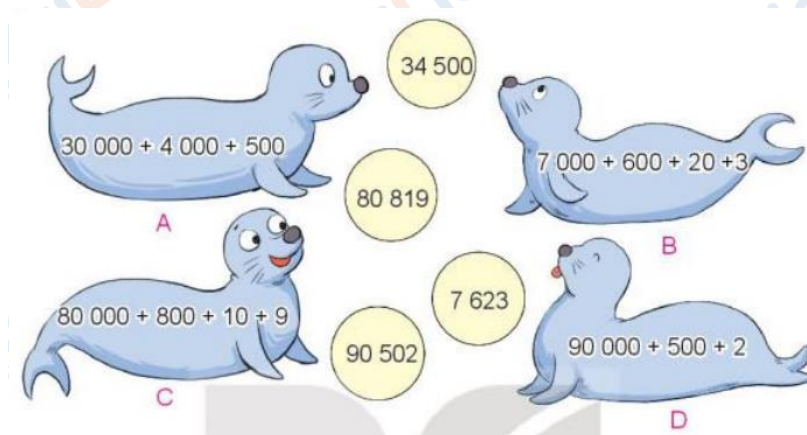
$$8\ 327 = 8\ 000 + 300 + 20 + 7$$

$$9\ 015 = 9\ 000 + 10 + 5$$

$$25\ 468 = 20\ 000 + 5\ 000 + 400 + 60 + 8$$

$$62\ 340 = 60\ 000 + 2\ 000 + 300 + 40$$

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 113 Bài 3: Chọn số là giá trị của mỗi biểu thức:



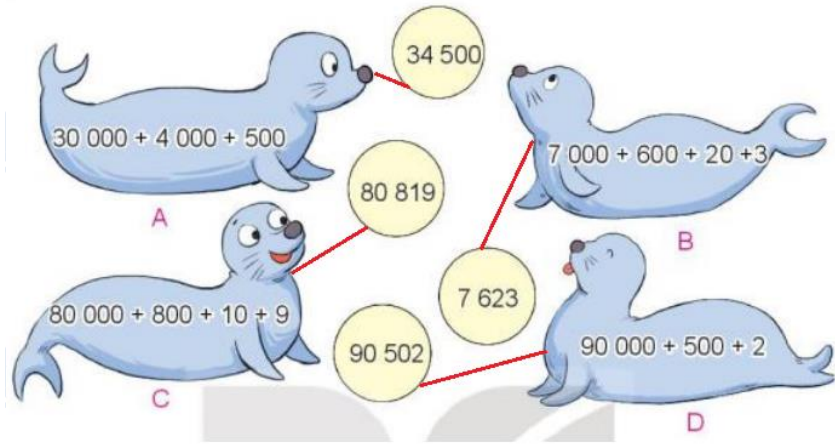
Lời giải:

$$30\ 000 + 4\ 000 + 500 = 34\ 500$$

$$80\ 000 + 800 + 10 + 9 = 80\ 819$$

$$7\ 000 + 600 + 20 + 3 = 7\ 623$$

$$90\ 000 + 500 + 2 = 90\ 502$$



Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 114 Bài 4: Số ?

a) $5\,000 + 300 + ? = 5\,306$

$2\,000 + 700 + ? = 2\,780$

b) $40\,000 + 8\,000 + 600 + ? = 48\,620$

$90\,000 + 2\,000 + ? = 92\,007$

Lời giải:

a) $5\,000 + 300 + 6 = 5\,306$

$2\,000 + 700 + 80 = 2\,780$

b) $40\,000 + 8\,000 + 600 + 20 = 48\,620$

$90\,000 + 2\,000 + 7 = 92\,007$

Giải Toán lớp 3 Tập 2 trang 114 Bài 5: Em hãy cùng Nam tìm xem trường của Nam có bao nhiêu học sinh.

3 Chọn số là giá trị của mỗi biểu thức.

Seal A: $30\,000 + 4\,000 + 500$ (Bubble: 34 500)

Seal B: $7\,000 + 600 + 20 + 3$ (Bubble: 80 819)

Seal C: $80\,000 + 800 + 10 + 9$ (Bubble: 90 502)

Seal D: $90\,000 + 500 + 2$ (Bubble: 7 623)

4 Số ?

a) $5\,000 + 300 + ? = 5\,306$

$2\,000 + 700 + ? = 2\,780$

b) $40\,000 + 8\,000 + 600 + ? = 48\,620$

$90\,000 + 2\,000 + ? = 92\,007$

5 Em hãy cùng Nam tìm xem trường của Nam có bao nhiêu học sinh.



114

Lời giải:

Số tròn chục bé nhất có 4 chữ số khác nhau là 1230.

Vậy trường của Nam có tất cả 1230 học sinh.